TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2022/QĐST-HNGĐ	*Nhơn Trạch, ngày 21 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- *Người yêu cầu*: Ông **Lê Thanh B**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Hẻm 80, đường T, ấp B, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Người yêu cầu*: Bà **Nguyễn Thị Hoài T**, sinh năm 1988
Địa chỉ: Hẻm 80, đường T, ấp B, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Hoài T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/2015, ngày 19/6/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông B và bà T có có 01 con chung tên là Lê Đình K, sinh ngày 14/12/2014.

Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông B và bà T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho ông, bà Thuận tình ly hôn.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Hoài T nhưng không thành; Các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa

thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Hoài T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Hoài T tự nguyện thỏa thuận giao con chung tên Lê Đình K, sinh ngày 14/12/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Ông Lê Thanh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của các con chung, khi cần thiết, ông B, bà T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Hoài T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Hoài T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Đình K, sinh ngày 14/12/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Ông Lê Thanh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của các con chung, khi cần thiết, ông B, bà T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

1.4. Về tài sản chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Hoài T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông B, bà T mỗi người đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0007007 và 0007008 cùng ngày 07/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Ông B, bà T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân;
- UBND xã Phú Ngọc,
huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Lưu.

Phạm Vũ Ngọc Hiệp